

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29.4.2022

V V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Đông

Bà Trần Thị Chiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Tạ Cao M, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Số 214/90 ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Nhã V, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Số 39 hẻm 369 đường C, Phường 7, thành phố T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22 tháng 11 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Tạ Cao M trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Nhã V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2020, không tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh và chị V chung sống hạnh phúc được 03 tháng đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp nên thường xuyên gây gổ, nhiều lần tranh cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được anh nhận thấy không còn tình cảm với chị V nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Nhã V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng chị V vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh M. Vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trong quá trình tố tụng, anh Tạ Cao M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân giữa anh M và chị V, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng vắng mặt, không trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của anh M, chị V không thiết tha hàn gắn quan hệ hôn nhân với anh M. Mâu thuẫn giữa anh M và chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M đối với chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Anh Tạ Cao M khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Nhã V. Chị V có có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống ở số 39, hẻm 369 C, phường 7, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân Thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228

Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung :

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Cao M và chị Nguyễn Thị Nhã V tự nguyện chung sống với nhau, không tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 8 năm 2000 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, Anh M và chị V chung sống hạnh phúc được 03 tháng đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, cả hai không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau, Sau khi thụ lý vụ án, chị V đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng thể hiện việc anh M xin ly hôn, nhưng không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ với anh M. Như vậy, hôn nhân giữa anh M và chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M.

[2.2] Về con chung: Không có nên không đề cập

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập.

[3] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Anh M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Cao M đối với chị Nguyễn Thị Nhã V.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Cao M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Nhã V.

- Về con chung: Không có.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Anh Tạ Cao M chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001155 ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND P7, tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hải Trịnh Thị Lệ Hoa

Nguyễn Thị Diễm Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND xã An Vĩnh Ngãi, tp T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng

